

Số: /NQ-HĐND

Điện Biên, ngày 14 tháng 10 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

Về chủ trương đầu tư dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sắp xếp, ổn định dân cư, phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn huyện Nậm Pồ (Đề án 79), giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN  
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Xét đề nghị của UBND tỉnh Điện Biên tại Tờ trình số 3434/TTr-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2021; Báo cáo thẩm tra số 47/BC-DT ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh, ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sắp xếp, ổn định dân cư, phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn huyện Nậm Pồ (Đề án 79), giai đoạn 2021-2025, nội dung như sau:

**1. Mục tiêu đầu tư**

Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sắp xếp, ổn định dân cư, phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn huyện Nậm Pồ (Đề án 79), giai đoạn 2021-2025 nhằm xây dựng vùng Đề án ổn định về định canh, định cư, không còn hộ du canh, du cư, bảo đảm người dân có đủ đất sản xuất, có nhà ở, có đủ nước sinh hoạt; phấn đấu toàn huyện không có hộ đói, giảm hộ nghèo nhanh và bền vững. Xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu, công trình công cộng tại các xã, bản phục vụ sản xuất sinh hoạt của nhân dân; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững chắc, bảo đảm sự ổn định chính trị, xã hội; xây dựng thế trận quốc phòng an ninh vững chắc theo mục tiêu tổng quát của Đề án 79.

**2. Quy mô đầu tư**

Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, công trình công cộng tại 09 xã với tổng số 38 công trình, bao gồm:

- + Lĩnh vực giao thông: 02 công trình, kinh phí 16.500 triệu đồng;
  - + Lĩnh vực thủy lợi, nước sinh hoạt: 13 công trình, với tổng kinh phí 41.050 triệu đồng.
  - + Lĩnh vực giáo dục: 23 công trình, với tổng kinh phí 47.850 triệu đồng.
- (Chi tiết nội dung, quy mô đầu tư các dự án thành phần như Phụ biểu kèm theo)

**3. Nhóm dự án:** Dự án nhóm B.

**4. Tổng mức đầu tư dự án: 105.400 triệu đồng.**

**5. Nguồn vốn:** Nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ thực hiện Đề án sắp xếp, ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên (Đề án 79).

**6. Địa điểm thực hiện dự án:** Tại 09 xã: Nà Búng, Vàng Đán, Nậm Chua, Nà Khoa, Chà Cang, Nậm Tin, Pa Tần, Na Cô Sa, Nậm Nhừ, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên.

**7. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án:** Năm 2021-2024.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XV, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 14 tháng 10 năm 2021./.*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Tỉnh ủy; HĐND; UBND tỉnh,
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT; TC; XD;
- UBND huyện Nậm Pồ tỉnh;
- Lãnh đạo, CVVP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo Điện Biên Phủ;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Lò Văn Phương**

## Phụ biểu

## TỔNG HỢP CHI TIẾT NỘI DUNG, QUY MÔ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA DỰ ÁN:

Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sắp xếp, ổn định dân cư, phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn huyện Nậm Pồ (Đề án 79), giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 52/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 của HĐND tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư		Các khoản mục chi phí trong TMBT						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Chi phí xây lắp	Chi phí thiết bị	Chi phí quản lý dự án	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Chi phí khác	Chi phí GPMB	Dự phòng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>105.400</b>	<b>105.400</b>	<b>87.527</b>	<b>4.252</b>	<b>4.686</b>	<b>8.758</b>	<b>2.474</b>	<b>2.000</b>	<b>7.701</b>
<b>A</b>	<b>ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG CHO CÁC BẢN THÀNH LẬP MỚI</b>		<b>8.450</b>	<b>8.450</b>	<b>6.597</b>	<b>452</b>	<b>229</b>	<b>645</b>	<b>56</b>		<b>472</b>
(1)	<b>Bản Huổi Thùng 3, xã Na Cô Sa</b>		<b>3.000</b>	<b>3.000</b>	<b>2.543</b>	<b>90</b>	<b>76</b>	<b>93</b>	<b>11</b>		<b>187</b>
-	Trường Tiểu học Na Cô Sa	Nhà lớp học 2 phòng và phòng công vụ: Nhà cấp III, 1 tầng 145,5m <sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ.	3.000	3.000	2.543	90	76	93	11		187
(2)	<b>Bản Chăn Nuôi xã Nà Khoa, Nậm Pồ</b>		<b>5.450</b>	<b>5.450</b>	<b>4.054</b>	<b>362</b>	<b>153</b>	<b>551</b>	<b>45</b>		<b>285</b>
-	Đường vào bản Chăn Nuôi	Đầu tư tuyến đường giao thông với Quy mô đường GTNT cấp C, Chiều dài xây dựng dự kiến 822m. Kết cấu mặt đường: BTXM và các công trình trên tuyến	1.600	1.600	1.222		44	160	11		163
-	Nước sinh hoạt bản Chăn Nuôi	Đập đầu mối, chiều dài tuyến ống dự kiến L = 5.423,44m và các hạng mục công trình trên tuyến.	2.000	2.000	1.378	249	62	246	22		43
-	Nhà lớp học bản Chăn Nuôi	Nhà lớp học 2 phòng và phòng công vụ: Nhà cấp III, 1 tầng 148,8m <sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ.	1.850	1.850	1.454	113	47	145	12		80
<b>B</b>	<b>ĐẦU TƯ HẠ TẦNG CHO CÁC BẢN ỔN ĐỊNH DÂN CƯ TẠI CHỖ VÀ XEN GHÉP</b>		<b>96.949</b>	<b>96.949</b>	<b>80.931</b>	<b>3.800</b>	<b>4.457</b>	<b>8.114</b>	<b>2.418</b>	<b>2.000</b>	<b>7.229</b>
(1)	<b>XÃ NÀ BỪNG</b>		<b>13.250</b>	<b>13.250</b>	<b>10.967</b>	<b>360</b>	<b>325</b>	<b>786</b>	<b>64</b>		<b>748</b>
-	Nâng cấp NSH bản Nậm Tất 2	Đập đầu mối, chiều dài tuyến ống dự kiến L = 4.667,7m và các hạng mục công trình trên tuyến.	5.250	5.250	4.452		131	454	24		189
-	Nhà lớp học bản Trên Nuong	Nhà lớp học 2 phòng và phòng công vụ: Nhà cấp III, 1 tầng 145,5m <sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ.	2.000	2.000	1.646	90	49	84	10		121
-	Nhà lớp học bản Ngải Thầu 2	Nhà lớp học 2 phòng và phòng công vụ: Nhà cấp III, 1 tầng 145,5m <sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ.	2.000	2.000	1.587	90	47	81	10		185
-	Nhà lớp học bản Púng Pá Kha	Nhà lớp học 2 phòng và phòng công vụ: Nhà cấp III, 1 tầng 145,5m <sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ.	2.000	2.000	1.663	90	50	84	10		103
-	Nhà lớp học bản Nậm Tất 2	Nhà lớp học 2 phòng và phòng công vụ: Nhà cấp III, 1 tầng 145,5m <sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ.	2.000	2.000	1.620	90	48	83	10		149
(2)	<b>XÃ VÀNG ĐÁN</b>		<b>8.500</b>	<b>8.500</b>	<b>6.898</b>	<b>270</b>	<b>215</b>	<b>552</b>	<b>46</b>		<b>520</b>
-	NSH bản Nộc Cốc	Đập đầu mối, chiều dài tuyến ống dự kiến L = 5.525m và các hạng mục công trình trên tuyến.	2.500	2.500	1.903		66	298	16		217
-	Nhà lớp học bản Huổi Khương 2	Nhà lớp học 2 phòng và phòng công vụ: Nhà cấp III, 1 tầng 145,5m <sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ.	2.000	2.000	1.695	90	51	86	10		68
-	Nhà lớp học bản Vàng Đán	Nhà lớp học 2 phòng và phòng công vụ: Nhà cấp III, 1 tầng 145,5m <sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ.	2.000	2.000	1.620	90	48	83	10		149
-	Nhà lớp học bản Huổi Đạo	Nhà lớp học 2 phòng và phòng công vụ: Nhà cấp III, 1 tầng 145,5m <sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ.	2.000	2.000	1.680	90	50	85	10		85
(3)	<b>XÃ NẬM CHUA</b>		<b>5.200</b>	<b>5.200</b>	<b>4.184</b>		<b>160</b>	<b>544</b>	<b>30</b>		<b>283</b>
-	NSH bản Nậm Chua 5	02 đập đầu mối, chiều dài kênh dự kiến khoảng 1251,0m, chiều dài ống dự kiến khoảng 571,83 m. và các công trình trên tuyến.	5.200	5.200	4.184		160	544	30		283
(4)	<b>XÃ NÀ KHOA</b>		<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>	<b>2.000</b>
-	Nhà lớp học bản Huổi Hâu	Nhà lớp học 2 phòng và phòng công vụ: Nhà cấp III, 1 tầng 145,5m <sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ.	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000
(5)	<b>XÃ CHẢ CANG</b>		<b>6.000</b>	<b>6.000</b>	<b>4.957</b>	<b>270</b>	<b>131</b>	<b>246</b>	<b>30</b>		<b>366</b>
-	Nhà lớp học Nậm Hải	Nhà lớp học 2 phòng và phòng công vụ: Nhà cấp III, 1 tầng 145,5m <sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ.	2.000	2.000	1.640	90	43	81	10		136
-	Nhà lớp học Huổi Chá	Nhà lớp học 2 phòng và phòng công vụ: Nhà cấp III, 1 tầng 145,5m <sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ.	2.000	2.000	1.622	90	44	83	10		152
-	Nhà lớp học Hồ Hải	Nhà lớp học 2 phòng và phòng công vụ: Nhà cấp III, 1 tầng 145,5m <sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ.	2.000	2.000	1.695	90	44	83	10		78
(6)	<b>XÃ NẬM TIN</b>		<b>27.900</b>	<b>27.900</b>	<b>23.828</b>	<b>270</b>	<b>788</b>	<b>1.615</b>	<b>77</b>		<b>1.321</b>
-	NSH Bản Huổi Đập	Đập đầu mối, chiều dài tuyến ống dự kiến L= 1.937,57m và các hạng mục công trình trên tuyến.	3.000	3.000	2.407		77	225	11		280
-	NSH bản Nậm Tin 2	Đập đầu mối, chiều dài tuyến ống dự kiến L=2.655,11m và các hạng mục công trình trên tuyến.	3.000	3.000	2.304		63	196	9		428
-	Xây dựng nhà nội trú cho THCS	Nhà lớp học 2 phòng và phòng công vụ: Nhà cấp III, 1 tầng 145,5m <sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ.	3.000	3.000	2.580	90	77	107	14		133
-	Đường vào bản Vàng Lếch, bản Huổi Chá	Nhà lớp học 2 phòng và phòng công vụ: Nhà cấp III, 1 tầng 148,8m <sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ.	14.900	14.900	13.190		476	918	23		293
-	Nhà lớp học Vàng Lếch	Nhà lớp học 2 phòng và phòng công vụ: Nhà cấp III, 1 tầng 145,5m <sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ.	2.000	2.000	1.632	90	44	83	10		140
-	Nhà lớp học Huổi Tang	Nhà ở nội trú 10 phòng: Nhà cấp III, 1 tầng, Sxd 437,5m <sup>2</sup>	2.000	2.000	1.716	90	51	87	10		46
(7)	<b>XÃ PA TÀN</b>		<b>8.200</b>	<b>8.200</b>	<b>6.802</b>		<b>220</b>	<b>780</b>	<b>43</b>		<b>353</b>

		Tổng mức đầu tư		Các khoản mục chi phí trong TMDT						
-	Thủy lợi Huổi Sầu - Lá Chà	Đầu tư tuyến đường giao thông với Quy mô đường GTNT cấp C, Chiều dài xây dựng dự kiến 4,7Km. Kết cấu mặt đường: BTXM và các công trình trên tuyến	5.200	5.200	4.275		140	537	33	215
-	Cung cấp nước trực số UBND xã, trạm xá, trường Mầm non	Đập đầu mối, chiều dài tuyến ống dự kiến L=6.431,4m và các hạng mục công trình trên tuyến	3.000	3.000	2.527		80	243	11	138
(8)	<b>XÃ NA CỎ SA</b>		<b>14.900</b>	<b>14.900</b>	<b>12.241</b>	<b>450</b>	<b>359</b>	<b>856</b>	<b>73</b>	<b>922</b>
-	Công trình NSH bản Pắc A 2	Đập đầu mối, chiều dài tuyến ống dự kiến L=3161,63m và các hạng mục công trình trên tuyến	2.600	2.600	2.170		59	220	11	140
-	Công trình NSH Na Cỏ Sa III nhóm 1	Đập đầu mối, chiều dài tuyến ống dự kiến L=2.234,83m và các hạng mục công trình trên tuyến	2.300	2.300	1.908		61	223	11	97
-	Nhà lớp học bản Huổi Po	Nhà lớp học 2 phòng và phòng công vụ: Nhà cấp III, 1 tầng 145,5m <sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ	2.000	2.000	1.644	90	45	84	10	128
-	Nhà lớp học Pắc A 2	Nhà lớp học 2 phòng và phòng công vụ: Nhà cấp III, 1 tầng 145,5m <sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ	2.000	2.000	1.695	90	51	86	10	68
-	Nhà lớp học Huổi Thúng 2	Nhà lớp học 2 phòng và phòng công vụ: Nhà cấp III, 1 tầng 145,5m <sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ	2.000	2.000	1.584	90	47	81	10	188
-	Nhà lớp học Na Cỏ Sa 2	Nhà lớp học 2 phòng và phòng công vụ: Nhà cấp III, 1 tầng 145,5m <sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ	2.000	2.000	1.595	90	48	82	10	176
-	Nhà lớp học Na Cỏ Sa 1	Nạo vét bùn đất, thay thế tuyến ống hư hỏng; xây dựng đầu mối và các công trình trên tuyến Cụm 2 nhóm 1 và nhóm 2 bản Nậm Chua 1	2.000	2.000	1.645	90	49	81	10	126
(9)	<b>Xã Nậm Nhừ</b>		<b>11.000</b>	<b>11.000</b>	<b>9.053</b>	<b>180</b>	<b>260</b>	<b>735</b>	<b>54</b>	<b>717</b>
-	Nhà lớp học bản Nậm Chua 1	Nhà lớp học 2 phòng và phòng công vụ: Nhà cấp III, 1 tầng 145,5m <sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ	2.000	2.000	1.675	90	50	79	10	96
-	Nhà lớp học bản Nậm Chua 3	Nhà lớp học 3 phòng và phòng công vụ: Nhà cấp III, 1 tầng 205m <sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ	2.000	2.000	1.608	90	48	82	10	162
-	Nâng cấp NSH bản Nậm Chua 1	Nạo vét bùn đất, thay thế, bổ sung các hạng mục trên tuyến ống; Lâm mới đường ống dẫn nước với chiều dài tuyến ống dự kiến khoảng 6,2km.	2.500	2.500	2.064		56	209	13	158
-	NSH bản Nậm Nhừ 1 xã Nà Khoa	Nạo vét bùn đất, thay thế, bổ sung các hạng mục trên tuyến ống; Lâm mới đường ống dẫn nước với chiều dài tuyến ống dự kiến khoảng 2,6km.	2.000	2.000	1.622		44	162	10	162
-	NSH bản Nậm Chua 3 xã Nà Khoa	Đập đầu mối, chiều dài tuyến ống dự kiến L= 2.449,26m và các hạng mục công trình trên tuyến	2.500	2.500	2.086		61	204	11	139